

Số: **04/2021/QĐST-HNGĐ**

Điện Biên Phủ, ngày 02 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thu H**; địa chỉ: Số nhà 743, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ (Nơi làm việc: Công an huyện Đ);

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình T**; địa chỉ: Số nhà 743, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Đình T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Đình T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con: Giao con chung là Nguyễn L - sinh ngày 05/7/2012 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực

tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2.4. Về án phí: Bà Trần Thị Thu H chịu 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp; trả lại cho bà H 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001653 ngày 05 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về Thi Hành án: Trường hợp Quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Chi cục THSDS TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh ĐB;
- UBND phường T
(nơi đăng ký kết hôn);
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung